

CÔNG TY CỔ PHẦN ECOBLAZE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ECOBLAZE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOBLAZE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ECOBLAZE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110831335

3. Ngày thành lập: 09/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3, ngách 57/45 ngõ 57 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932228669

Fax:

Email: info@ecoblaze.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3.	Bốc xếp hàng hóa	5224
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
6.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Không bao gồm hoạt động xuất bản)	5920
7.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
8.	Xuất bản phần mềm	5820
9.	Sao chép bản ghi các loại	1820
10.	Lập trình máy vi tính	6201
11.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
12.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
14.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
17.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4742
18.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
21.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
22.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
23.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác - Bán buôn hoa và cây - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
30.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
31.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
32.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
33.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
39.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
40.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
41.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
42.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
43.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
45.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
46.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
47.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
48.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785

49.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
50.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
51.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (chi tiết: không bao gồm hoạt động đấu giá bán lẻ)	4791
52.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
53.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
54.	Quảng cáo	7310
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
56.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
62.	Bán buôn thực phẩm	4632
63.	Bán buôn đồ uống	4633
64.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 30.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ DUNG	Số 3, ngách 57/45 ngõ 57 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Tứ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	50,000	0361810028 31	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	50,000		
2	ĐẶNG VĂN THĂNG	Số 3, ngách 57/45 ngõ 57 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Tứ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.500	750.000.000	25,000	0360790107 28	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	7.500	750.000.000	25,000		

